

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** C1.A108

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 7h30

Ngày thi: 14/12/2021

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ và tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0030	SV5838854	Ngô Việt Dũng	23/04/1999		
2	TA0031	SV5838855	Nguyễn Tiến Du	24/03/1999		
3	TA0032	SV5838856	Nguyễn Ngọc Dương	16/09/1999		
4	TA0033	SV5838857	Lê Văn Tuyên	11/10/1999		
5	TA0034	SV5838858	Lê Văn Tình	29/08/1999		
6	TA0035	SV5838859	Đặng Văn Duy	22/04/1999		
7	TA0036	SV5838860	Nguyễn Văn Tiến	11/08/1999		
8	TA0037	SV5838861	Mai Đức Anh	27/07/1999		
9	TA0038	SV5838862	Nguyễn Ngọc Thiện	16/08/1999		
10	TA0039	SV5838863	Nguyễn Thanh Phong	19/03/1999		
11	TA0040	SV5838864	Nguyễn Hải Anh	12/07/1999		
12	TA0041	SV5838865	Hoàng Thị Phương Thảo	19/03/1999		
13	TA0042	SV5838866	Nguyễn Long Đạt	09/11/1995		
14	TA0043	SV5838867	Trần Thị Thuý Linh	19/09/1999		
15	TA0044	SV5838868	Đặng Đức Anh	06/09/1999		
16	TA0045	SV5838869	Đinh Hoàng Quý	13/06/1999		
17	TA0046	SV5838870	Nguyễn Đình Đức	24/02/1999		
18	TA0047	SV5838871	Chu Việt Hoàng	20/05/1999		
19	TA0048	SV5838872	Hồ Minh Quang	27/02/1998		
20	TA0049	SV5838873	Hoàng Thị Thùy Linh	17/07/1999		
21	TA0050	SV5838874	Lê Ngọc Giang	15/10/1996		
22	TA0051	SV5838875	Lê Quốc Đạt	13/03/1999		
23	TA0052	SV5838876	Đỗ Mạnh Dũng	23/10/1999		
24	TA0053	SV5838877	Lê Anh Đức	14/01/1999		
25	TA0054	SV5838878	Ngô Thế Hùng	03/07/1999		
26	TA0055	SV5838879	Nguyễn Tiến Huy Hoàng	21/09/1999		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ và tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
27	TA0056	SV5838880	Lê Thị Hương Ly	14/11/1999		
28	TA0057	SV5838881	Phạm Thị Lan Hương	16/11/1999		
29	TA0058	SV5838882	Trần Bình	28/12/1999		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)